

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 15-12-2021  
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Minh Trí

Ông Hoài Đức Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 910/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1037/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1993.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1986.

Cùng HKTT: Thôn Đ 2, xã Đ, huyện B, tỉnh L.

Cùng tạm trú: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn M chung sống vào năm 2012, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh G (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012 ngày 09/8/2012).

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh M không có trách nhiệm với gia đình, thường gây gổ với chị, có lần còn dùng dao ép buộc chị phải về nhà nội nên vợ chồng bất hòa. Ngoài ra giữa chị với mẹ chồng có mâu thuẫn nên từ tháng 01/2020 anh chị sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Hiện nay anh M vẫn đang tạm trú tại khu phố P, thị trấn H nhưng không lần nào đến thăm con chung, cũng không phụ giúp chị nuôi con.

Nay chị cương quyết ly hôn với anh M do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

- Con chung: có 02 cháu là Nguyễn Đỗ Mai - sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Hữu Th - sinh ngày 31/3/2015. Nếu ly hôn, chị xin nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình từ 9.000.000 đồng đến 9.500.000 đồng mỗi tháng. Tuy đang ở nhà trọ nhưng có mẹ phụ giúp chị chăm sóc các con chung.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm nên chị xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có lời khai.*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần khắc phục.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh G. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Mai L - sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Hữu Th - sinh ngày 31/3/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không có trách nhiệm với gia đình, thường gây gổ với chị H. Từ tháng 01/2020 cho đến nay, anh chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, xin nuôi hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H có yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Văn M đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Đỗ Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Hiện nay anh M đang tạm trú và sinh sống tại nhà trọ Nguyễn Mỹ H thuộc khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Đỗ Thị H, bị đơn là anh Nguyễn Văn M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M chung sống vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh G (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012 ngày 09/8/2012). Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn anh M vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H khai là do anh M không có trách nhiệm với gia đình, thường gây gổ với chị, thậm chí còn dùng dao ép buộc chị H phải về nhà nội nên vợ chồng bất hòa. Từ tháng 01/2020 cho đến nay anh chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ lần nào. Đối với anh Nguyễn Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến Tòa án, từ đó thể hiện anh M không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H ly hôn với anh M là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H khai có 02 cháu là Nguyễn Đỗ Mai L - sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Hữu Th - sinh ngày 31/3/2015. Ly hôn, chị H xin nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi chị H và anh M sống ly thân nhau đến nay thì con chung do chị H trực tiếp chăm sóc, cháu Lan cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Mặt khác, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ đề nghị anh M có ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn nhưng anh M không có ý kiến gì. Vì vậy, cần giao cho chị H nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: đương sự khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M.

1. Xử: Cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Đỗ Mai L - sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Hữu Th - sinh ngày 31/3/2015 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001420 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Thị H, anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mai**

